

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MƯỜNG L  
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 28/2018/HS-ST

Ngày 02/8/2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT- TỈNH THANH HÓA**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Quách Văn Th

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Trương Văn B
2. Bà: Hà Thị Th

*Thư ký nghị biên bản phiên tòa :* Bà Lê Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường L, Thanh Hóa.

*Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mường L tham gia phiên tòa:* Ông Hà Văn C – Chức vụ: Kiểm sát viên sơ cấp.

Hôm nay, ngày 02/8/2018 tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mường L mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Hà Văn Kh - sinh năm 1994; Nơi sinh: Xã Tam Ch, huyện Mường L, tỉnh Thanh Hóa; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Bản Co C, xã Trung L, huyện Mường L, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Thái; Con ông Hà Văn D (đã chết) và Con bà Hà Thị O, sinh năm 1975; có vợ là Ngân Thị M, sinh năm 1996; vợ chồng chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28 / 5 /2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

\* *Người bị hại:* Anh Vi Văn Kh - Sinh năm 1991; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Bản Y, xã Mường M, huyện Quan S, tỉnh Thanh Hóa.

\* *Người đại diện theo ủy quyền của người bị hại:* Anh Hà Văn U - Sinh năm 1993; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Bản L, xã Tam Ch, huyện Mường L, tỉnh Thanh Hóa.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Đỗ Văn H - Sinh năm 1971; Nơi ĐKKHKT: Khu phố 2, thị trấn Mường L, huyện Mường L, tỉnh Thanh Hóa.

*\*Người bào chữa cho các bị cáo:* Ông Nguyễn Ngọc Kh, Nghề nghiệp: Trợ giúp viên pháp lý; Nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ, ngày 14 tháng 4 năm 2017, Hà Văn Kh, sinh năm 1994 ở bản Co C, xã Trung L, huyện Mường L, tỉnh Thanh Hóa đến nhà cậu ruột là Hà Văn U- sinh năm 1993, ở Bản L, xã Tam Ch, huyện Mường L hỏi mượn xe máy để đi đến xã Trung S, huyện Quan H thì được Hà Văn U cho mượn chiếc xe máy biển kiểm soát 36H7- 040.09. (Là xe của anh vợ U, tên là Vi Văn Kh, sinh năm 1991, ở Bản Y, xã Mường M, huyện Quan S cho U mượn để sử dụng). Ngày 15/ 4/2017, Kh đem chiếc xe máy đi cấm tại nhà anh Đỗ Văn H, sinh năm 1971, tại khu phố 2, Thị trấn Mường L, huyện Mường L với số tiền 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng) để tiêu sài cá nhân. Không thấy Khuê trả xe mát đã mượn, Hà Văn U nhiều lần gặp hỏi thì Kh cho biết đang cho người khác mượn xe và bảo U chờ thêm vài ngày. Sau đó Kh thừa nhận đã cầm cố chiếc xe máy tại nhà anh Đỗ Văn H, nhưng hiện nay không có tiền chuộc xe máy trả cho U và bỏ đi khỏi địa phương.

Tại bản Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Mường L số: 26/KL-ĐGTS ngày 08 tháng 02 năm 2018 kết luận: 01(một) chiếc xe máy, biển kiểm soát: 36H7- 040.09, nhãn hiệu: YAMAHA, số khung: 10EY250122, số máy: DB1250138, màu sơn: Xanh - Trắng, được mua mới sử dụng từ tháng 10/ 2014 tại thời điểm xâm hại tháng 4/ 2017, có trị giá là 18.000.000đ ( mười tám triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số: 28/Ctr-VKS- ML ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường L truy tố Hà Văn Kh về tội “ *Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, theo điểm a khoản 1 điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999. Nay là điểm a khoản 1 điều 175 Bộ luật Hình sự 2015;

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị:

+ Về tội danh: Tuyên bị cáo Hà Văn Kh phạm tội “ *Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

+ Áp dụng điều luật: Điểm a khoản 1 điều 140; điểm b, h và p khoản 1 điều 46; điều 60 Bộ luật hình sự 1999 ; Nay là điểm a khoản 1 điều 175; điểm b, i và s khoản 1 điều 51; điều 65 Bộ luật hình sự 2015.

+ Về hình phạt: Bị cáo Hà Văn Kh từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

+ Về bồi thường dân sự: Người bị hại anh Vi Văn Kh và anh Hà Văn U không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên không xét.

+ Về hình phạt bổ sung đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo thống nhất với ý kiến của kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt. Nhưng cho rằng quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Hà Văn Kh tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn của vùng biên giới, hiểu biết pháp luật hạn chế, được quy định tại điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 điều 46; điều 60 BLHS 1999. Nay là điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 điều 51; điều 65 BLHS 2015, nên đề nghị với Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét cho các bị cáo có mức hình phạt thấp nhất, để cho bị cáo cải tạo, giáo dục tại địa phương trở thành công dân có ích cho xã hội.

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội, thống nhất với lời bào chữa của trợ giúp viên pháp lý, không thay đổi, bổ sung gì thêm, không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, lời nói lời cuối cùng xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất, để bị cáo yên tâm cải tạo thành công có ích cho gia đình và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Mường L, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường L, Kiểm sát viên; Tòa án nhân dân huyện Mường L, Hội đồng xét xử. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Người bào chữa cho bị cáo, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ chứng minh có tội, không có tội cho bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Hà Văn Kh khai nhận đúng như nội dung của bản cáo trạng đã nêu.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai nhận của bị cáo tại Cơ quan điều tra, người bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ nên có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 17 giờ ngày 14 tháng 4 năm 2017 lợi dụng mối quan hệ quen biết họ hàng cậu ruột và sự tin tưởng của anh Hà Văn U bị cáo Hà Văn Kh đã chiếm đoạt chiếc xe máy biển kiểm soát 36H7- 040.09, mang đi cầm cố tại hiệu cầm đồ của gia đình anh Đỗ Văn H ở khu phố 2 - Thị trấn Mường L với số tiền là 17.000.000 đồng( mười bảy triệu đồng). Hành vi của bị cáo Hà Văn Kh có đủ căn cứ cấu thành tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 điều 140 Bộ luật Hình sự 1999. Nay là điểm a khoản 1 điều 175 Bộ luật Hình sự 2015; Theo điểm a khoản 1 điều 140 BLHS năm 1999 quy định :

1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới bốn triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó;

Điều a khoản 1 điều 175 BLHS 2015 quy định:

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại một trong các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

Thực hiện nguyên tắc áp dụng pháp luật hình sự theo Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 và khoản 3 điều 7 Bộ luật hình sự 2015. Hội đồng xét xử căn cứ theo điểm a khoản 1 điều 140 BLHS năm 1999.

[3] Xét tính chất, của vụ án là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn của xã hội. Hiện nay, tình hình xâm phạm tài sản tại địa bàn huyện Mường L xảy ra hết sức phức tạp, gây nên nhiều bức xúc, hoang mang trong quần chúng nhân dân, bị cáo do có lối sống buông thả, không chịu lao động lợi dụng có mối quan hệ họ hàng cậu ruột nên khi được anh U tin tưởng, giao tài sản là chiếc xe máy thì tìm mọi cách chiếm đoạt tài sản có giá trị để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân, cần thiết phải có khung hình phạt nghiêm đối với bị cáo để giáo dục bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật và ngăn ngừa, phòng chống tội phạm.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: Hà Văn Kh chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, lại là người dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa của biên giới nên khi lượng hình Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng

các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, h và p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự 1999; Nay là điểm b, i và s khoản 1 điều 51 BLHS 2015 và không chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng cải tạo tại nơi cư trú, không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, thì cũng không gây ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, nên HĐXX áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo, cho bị cáo cải tạo tại nơi cư trú, mà vẫn đủ sức răn đe.

Với tính chất, hậu quả, nhân thân của bị cáo không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mà cho để bị cáo cải tạo, rèn luyện tại địa phương trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 điều 140 Bộ luật Hình sự: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm và bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản hoặc một trong hai hình phạt này” và khoản 5 điều 175 Bộ luật Hình sự: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, vùng giáp biên giới không có công ăn việc làm, thu nhập ổn định, do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về bồi thường trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Vi Văn Kh và anh Hà Văn U không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên không xét.

[7] Về các vấn đề khác: Đối với 01(một) chiếc xe máy biển kiểm soát: 36H7-040.09, nhãn hiệu: YAMAHA, số khung: 10EY250122, số máy: DB1250138, màu sơn: Xanh - Trắng là tài sản hợp pháp thuộc quyền sở hữu của anh Vi Văn Kh và anh Kh ủy quyền cho anh Hà Văn U, nên Cơ quan CSĐT đã trả lại cho chủ sở hữu và người đại diện hợp pháp cho anh Hà Văn U là phù hợp.

Đối với anh Hà Văn D, sinh năm 1981 ở Bản L, xã Tam Ch, huyện Mường L, tỉnh Thanh Hóa: Theo lời khai của bị cáo Kh, sau khi cầm cố xe máy biển kiểm soát: 36H7-040.09, Kh đã đưa tiền cho Hà Văn D vay số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng). Qua xác minh tại địa phương Hà Văn D đã đi khỏi nơi cư trú không có mặt để làm rõ các tình tiết liên quan trong vụ án.

Đối với anh Đỗ Văn H, sinh năm 1971, trú tại: khu phố 2, thị trấn Mường L, huyện Mường L là người đã cầm cố chiếc xe máy biển kiểm soát: 36H7-040.09, có giấy phép đăng ký kinh doanh cầm đồ. Tuy nhiên Đỗ Văn H đã vi phạm Nghị định 167/2013/NĐ-CP của chính phủ thì tại điểm d khoản 2 điều 11 quy định: “Nhận cầm cố tài sản mà theo quy định tài sản đó phải có giấy tờ sở hữu nhưng không có các loại giấy tờ đó”. Cơ quan Công an huyện Mường L đã xử phạt hành

chính bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 3.500.000đ ( ba triệu năm trăm nghìn đồng).

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: bị cáo phải chịu án phí HSST; bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

## **QUYẾT ĐỊNH**

*Tuyên bố:* Bị cáo Hà Văn Kh phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

*Áp dụng:* Điểm a Khoản 1 điều 140; điểm b, h và p khoản 1 điều 46; điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999. Nay là điểm a, khoản 1 điều 175 BLHS năm 2015.

*Xử phạt:* Hà Văn Kh 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng. Thời hạn thi hành án tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hà Văn Kh cho UBND xã Trung L, huyện Mường L, tỉnh Thanh Hóa là chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú quản lý, giám sát và giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý, giám sát và giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, theo khoản 5 điều 60 Bộ luật hình sự.

*Về án phí:* Căn cứ điều 99 Bộ luật tố tụng Hình sự (Nay là khoản 2 điều 135, khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015); Khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội Khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Hà Văn Kh phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân huyện Mường L;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT- Công an huyện Mường L;
- Chi cục THADS huyện Mường L;
- UBND xã Trung Lý, huyện Mường L;
- Bị cáo;
- Các Bị hại;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Quách Văn Th**

